85 câu hỏi-đáp pháp luật gắn với nội dung của tiêu chí Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật và tiêu chí thực hiện dân chủ ở cơ sở theo Quyết định số 619/QĐ-TTg

Văn bản sử dụng: Hiến pháp 2013, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ luật Hình sự năm 2015 và được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2011 và các văn bản hướng dẫn; một số văn bản khác thuộc các lĩnh vực an ninh, trật tự an toàn xã hội…

Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

**Câu 1: Phân biệt văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính?**

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 2 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này. Văn bản quy phạm pháp luật nhưng được ban hành không đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này thì không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

Còn văn bản hành chính thông thường là những văn bản mang tính chất thông tin điều hành nhằm thực thi các văn bản quy phạm pháp luật hoặc dùng để giải quyết các công việc cụ thể.

*Về hiệu lực pháp lý*: Văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) có hiệu lực pháp lý cao hơn còn văn bản hành chính thông thường, thường có nội dung để triển khai, thực hiện các văn bản QPPL.

*Về nội dung*:

Văn bản QPPL chứa QPPL. Trong đó, QPPL là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định trong Luật ban hành văn bản QPPL ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện (Khoản 1 Điều 3 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015).

Còn đối với văn bản hành chính thông thường: nội dung chỉ mang tính chất thông tin để giải quyết các công việc cụ thể.

*Về hình thức*:

Đối với văn bản QPPL có các hình thức quy định tại Điều 4 Luật ban hành văn bản QPPL bao gồm: Hiến pháp; Bộ luật, luật, nghị quyết của Quốc hội; Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; Nghị định của Chính phủ; nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện); Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã; Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Còn văn bản hành chính thông thường có nhiều dạng: Quyết định, chỉ thị, thông báo, công văn, kế hoạch,…

*Về thủ tục xây dựng, ban hành*:

Đối với văn bản QPPL: Phải được xây dựng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015.

Còn văn bản hành chính thông thường thì cơ quan, đơn vị, cá nhân nào ban hành thì sẽ tự soạn thảo và phát hành.

*Về thể thức trình bày*:

Văn bản QPPL được trình bày theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL.

Còn văn bản hành chính thông thường được trình bày theo quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ về thể thức trình bày văn bản hành chính.

**Câu 2. Xin cho biết, Hội đồng nhân dân cấp xã được ban hành văn bản quy phạm pháp luật dưới hình thức, phạm vi nào?**

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 14 Điều 4 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 Hội đồng nhân dân cấp xã được ban hành văn bản quy phạm pháp luật dưới hình thức Nghị quyết.

Đồng thời Điều 30 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành nghị quyết để quy định những vấn đề được luật giao.

**Câu 3. Đề nghị cho biết, Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành văn bản quy phạm pháp luật dưới hình thức, phạm vi nào?**

Trả lời:

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của nước ta hiện nay rất đa dạng về hình thức, với nhiều chủ thể có thẩm quyền khác nhau ban hành. Với nhiều hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, dẫn đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật khá cồng kềnh, nhiều tầng nấc, phần nào làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Do đó, xuất phát từ thực tế này, chủ trương đơn giản hóa hình thức văn bản quy phạm pháp luật luôn được các cơ quan xây dựng pháp luật coi trọng. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 cũng không phải ngoại lệ khi giảm bớt hình thức văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân. Theo đó, Ủy ban nhân dân các cấp chỉ ban hành văn bản quy phạm pháp luật với hình thức quyết định (bỏ hình thức “Chỉ thị” so với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân).

Cụ thể, tại Khoản 15 Điều 4 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành văn bản quy phạm pháp luật dưới hình thức Quyết định.

Đồng thời Điều 30 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 cũng quy định Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định để quy định những vấn đề được luật giao.

**Câu 4. Hãy cho biết, dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã do cơ quan nào soạn thảo và trình Hội đồng nhân dân cấp xã? Cơ quan nào thực hiện thẩm tra dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã trước khi trình Hội đồng nhân dân cấp xã?**

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 142 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã do Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức soạn thảo và trình Hội đồng nhân dân.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 143 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã phải được Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp thẩm tra trước khi trình Hội đồng nhân dân cấp xã.

**Câu 5. Hãy cho biết, trình tự xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã và dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã?**

Trả lời:

*Thứ nhất*, về trình tự xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã**:**

Theo quy định tại Điều 143 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã phải được Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp thẩm tra trước khi trình Hội đồng nhân dân cấp xã. Chậm nhất là 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân gửi tờ trình, dự thảo nghị quyết và các tài liệu có liên quan đến các đại biểu Hội đồng nhân dân.

Việc xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết tại kỳ họp Hội đồng nhân dân được tiến hành theo trình tự sau đây: đại diện Ủy ban nhân dân thuyết trình dự thảo nghị quyết; đại diện Ban của Hội đồng nhân dân được phân công thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra; Hội đồng nhân dân thảo luận và biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết. Dự thảo nghị quyết được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành. Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký chứng thực nghị quyết.

*Thứ hai*, về trình tự xem xét, thông qua dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã:

Theo quy định tại Điều 145 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì tổ chức, cá nhân được phân công soạn thảo gửi tờ trình, dự thảo quyết định, bản tổng hợp ý kiến và các tài liệu có liên quan đến các thành viên Ủy ban nhân dân cấp xã chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày Ủy ban nhân dân họp.

Việc xem xét, thông qua dự thảo quyết định tại phiên họp Ủy ban nhân dân cấp xã được tiến hành theo trình tự sau đây: đại diện tổ chức, cá nhân được phân công soạn thảo trình bày dự thảo quyết định; Ủy ban nhân dân thảo luận và biểu quyết thông qua dự thảo quyết định. Dự thảo quyết định được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên Ủy ban nhân dân cấp xã biểu quyết tán thành. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký ban hành quyết định.

**Câu 6. Đề nghị cho biết, những hành vi bị nghiêm cấm trong ban hành văn bản quy pháp luật?**

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 14 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định những hành vi bị nghiêm cấm như sau:

- Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trái với Hiến pháp, trái với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

- Ban hành văn bản không thuộc hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 4 của Luật này nhưng có chứa quy phạm pháp luật.

- Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định tại Luật này.

- Quy định thủ tục hành chính trong thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã, trừ trường hợp được giao trong luật.

**Câu 7. A là công chức xã B, A được giao tham mưu, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã. Hỏi trong thời gian bao lâu, A phải gửi tờ trình, dự thảo quyết định, bản tổng hợp ý kiến và các tài liệu có liên quan đến các thành viên Ủy ban nhân dân cấp xã?**

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 145 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì tổ chức, cá nhân được phân công soạn thảo gửi tờ trình, dự thảo quyết định, bản tổng hợp ý kiến và các tài liệu có liên quan đến các thành viên Ủy ban nhân dân cấp xã chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày Ủy ban nhân dân họp.

**Hiến pháp 2013**

**Câu 8. X muốn tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhưng chồng X khuyên X không nên tự ứng cử vì cho rằng X là phụ nữ, lại là người dân tộc thiểu số, ai cho tham gia quản lý nhà nước. X không biết pháp luật quy định như thế nào về quyền bình đẳng trong việc tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội?**

Trả lời:

Theo Điều 26 Hiến pháp năm 2013 quy định:

“*1. Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới.*

*2. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội.*

*3. Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới*.”

Bên cạnh đó, Điều 27, Điều 28Hiến pháp năm 2013 thì công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi mốt tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định. Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở,địa phương và cả nước. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân.

**Câu 9. Đề nghị cho biết, pháp luật quy định như thế nào về việc người dân tham gia góp ý xây dựng văn bản quy phạm pháp luật?**

Trả lời:

Tham gia quản lý nhà nước và xã hội là một trong những quyền chính trị quan trọng của công dân. Điều 6 Hiến pháp 2013 quy định: “*Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằngdân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông quacác cơ quan khác của Nhà nước”.*

Người dân có thể tham gia xây dựng các chính sách, pháp luật thông qua đại biểu trong các cơ quan đại diện (Quốc hội, Hội đồng nhân dân), các tổ chức chính trị - xã hội mà mình tham gia hoặc qua các phương tiện thông tin đại chúng, nhưng cũng có thể tham gia ý kiến trực tiếp các vấn đề ở tầm quốc gia khi Nhà nước tổ chức trưng cầu dân ý, hoặc trực tiếp quyết định các vấn đề ở cơ sở theo quy định của pháp luật… Sự tham gia của nhân dân được thực hiện trong toàn bộ quá trình xây dựng chính sách: từ các đề xuất sáng kiến ban đầu, đến việc tiến hành triển khai xây dựng, quyết định và thi hành chính sách. Tuy nhiên, tùy vào tính chất của những chính sách cụ thể mà người dân có thể tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp, ở mức độ khác nhau.

Cụ thể tại Điều 6 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức thành viên khác của Mặt trận và các cơ quan, tổ chức khác, cá nhân có quyền và được tạo điều kiện góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật.

Ý kiến tham gia về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật phải được nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình chỉnh lý dự thảo văn bản.

**Câu 10. Xin cho biết, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với Nhân dân?**

**Trả lời:**

**Điều 111 Hiến pháp 2013 quy định: “**Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do luật định”.

Điều 112 Hiến pháp năm 2013 quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, khoản 1 của Điều này khẳng định rõ chính quyền địa phương có 02 loại nhiệm vụ được phân biệt với nhau:  **(1)** Nhiệm vụ tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật tại địa phương; **(2)** Quyết định các vấn đề của địa phương do luật định.

Trong một Nhà nước đơn nhất như nước ta, nhiệm vụ cơ bản, hàng đầu của chính quyền địa phương là tổ chức và bảo đảm thực hiện Hiến pháp, pháp luật tại địa phương. Đồng thời, chính quyền địa phương thực hiện các nhiệm vụ xuất phát từ tính đặc thù của địa phương. Đây là quy định thể hiện nhiệm vụ có tính tự quản cao của chính quyền địa phương, nhằm phát huy lợi thế của mỗi địa phương trên thực tế.

Thứ hai, khoản 2 Điều 112 quy định rõ “Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương được xác định trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương”. Có thể nói, đây là một định hướng quan trọng trong việc thiết kế cơ chế điều chỉnh mối quan hệ giữa chính quyền địa phương và chính quyền Trung ương (cũng như giữa các cấp chính quyền địa phương với nhau) trong thời gian tới. Chỉ có trên cơ sở phân định rõ thẩm quyền của mỗi cấp chính quyền theo tinh thần phân cấp mạnh mẽ thì cơ chế xác định trách nhiệm, bảo đảm tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của mỗi cấp chính quyền cũng như thực hiện việc kiểm soát quyền lực mới có hiệu quả.

Thứ ba, khoản 3 Điều 112 quy định: “Trong trường hợp cần thiết, chính quyền địa phương được giao thực hiện một số nhiệm vụ của cơ quan nhà nước cấp trên với các điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ đó”. Trên thực tế rất nhiều nhiệm vụ của Trung ương được giao cho địa phương thực hiện, nhưng chỉ giao việc mà không kèm theo các điều kiện để thực hiện công việc, do đó, gây rất nhiều khó khăn cho địa phương. Quy định tại khoản 3 Điều 112 của Hiến pháp tạo cơ sở hiến định giải quyết nhiều khó khăn của các địa phương hiện nay.

**Câu 11. Được biết, nhân dân có thể thực hiện quyền lực nhà nước. Vậy, xin hỏi nhân dân có thể thực hiện quyền lực nhà nước bằng cách thức nào?**

**Trả lời:**

Điều 6 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước”.

Dân chủ trực tiếp là việc Nhân dân trực tiếp thực hiện quyền lực nhà nước.Tức là Nhân dân thể hiện một cách trực tiếp ý chí của mình (với tư cách là chủ thể quyền lực nhà nước) về một vấn đề nào đó mà không cần thông qua cá nhân hay tổ chức thay mặt mình và ý chí đó có ý nghĩa bắt buộc phải thi hành.

Theo đó, Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp thông qua việc thực hiện các quyền tự do, dân chủ được quy định trong Hiến pháp.

- Thực hiện quyền bầu cử, bãi nhiệm; quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

-Thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước của công dân;

- Thực hiện quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân;

- Thực hiện quyền tham gia xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp;

-Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo; quyền giám sát đối với cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức;

- Thực hiện quyền làm việc trong các cơ quan Nhà nước.

Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội khác do Nhân dân lập ra, bao gồm: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Công đoàn Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội cựu chiến binh Việt Nam và các tổ chức xã hội khác do Nhân dân lập ra. Khi các tổ chức này thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân; Quyền trình dự án luật, dự án pháp lệnh; phối hợp với Chính phủ, chính quyền địa phương trong thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn có liên quan; tham dự phiên họp của Chính phủ, các kỳ họp Hội đồng nhân dân và được mời tham dự hội nghị Ủy ban nhân dân khi bàn vấn đề có liên quan quy định tại Điều 9, Khoản 1 Điều 84, Khoản 8 Điều 96, Điều 101, Khoản 1 và 2 Điều 116 của Hiến pháp năm 2013.

Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước.

Dân chủ đại diện là hình thức Nhân dân thông qua các cơ quan nhà nước, các cá nhân được Nhân dân ủy quyền để thực hiện ý chí của Nhân dân. Dân chủ đại diện là phương thức chủ yếu để thực hiện quyền lực nhân dân. Dân chủ đại diện có ưu điểm là với hình thức này chúng ta quản lý được mọi mặt đời sống xã hội, nhưng có hạn chế là ý chí, nguỵen vọng của người dân phải qua trung gian của ngừoi đại diện, có thể bị méo mó bởi nhiều lý do như trình độ nhận thức, quan điểm, lợi ích...

Dân chủ đại diện là phương thức thực hiện quyền lực nhà nước cơ bản và phổ biến nhất của nhân dân. Theo đó, nhân dân thông qua các cơ quan đại biểu do mình bầu ra và ủy thác quyền lực như Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; rồi đến lượt mình Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp tiếp tục lập ra các cơ quan khác của Nhà nước để thực hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Như vậy, hiểu một cách đầy đủ, cơ quan nhà nước được nhân dân ủy quyền không chỉ là các cơ quan dân cử như Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp mà còn bao gồm cả các cơ quan trong hệ thống hành pháp và tư pháp; các cơ quan này thay mặt nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước để điều hành, quản lý xã hội và chịu sự giám sát của nhân dân.

Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân, bao gồm:

- Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và đại biểu Quốc hội;

- Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua các cơ quan khác của Nhà nước, bao gồm: Các cơ quan nhà nước (lập pháp, hành pháp, tư pháp) và chính quyền địa phương, các cơ quan Hiến định đều là cơ quan thực hiện quyền lực nhà nước do Nhân dân giao cho; Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua các thiết chế Hiến định như: Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Chính quyền địa phương, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và các cơ quan nhà nước khác; thông qua đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước và các cơ quan, tổ chức khác được giao thực thi quyền lực nhà nước.

**Câu 12. Hãy cho biết, pháp luật quy định như thế nào về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở để đảm bảo an ninh, trật tự trong xã hội?**

Trả lời:

Điều 22 Hiến pháp 2013 quy định mọi người có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý. Việc khám xét chỗ ở do luật định.

Đồng thời Điều 12 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cũng quy định về bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân thì không ai được xâm phạm trái pháp luật chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân. Việc khám xét chỗ ở; khám xét, tạm giữ và thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác phải được thực hiện theo quy định của Bộ luật này.

Điều 158 Bộ luật hình sự 2015 quy định:

*“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây xâm phạm chỗ ở của người khác, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:*

*a) Khám xét trái pháp luật chỗ ở của người khác;*

*b) Dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực, gây sức ép về tinh thần hoặc thủ đoạn trái pháp luật khác buộc người khác phải rời khỏi chỗ ở hợp pháp của họ;*

*c) Dùng mọi thủ đoạn trái pháp luật nhằm chiếm, giữ chỗ ở hoặc cản trở trái phép, không cho người đang ở hoặc quản lý hợp pháp chỗ ở được vào chỗ ở của họ;*

*d) Tự ý xâm nhập chỗ ở của người khác mà không được sự đồng ý của chủ nhà hoặc người quản lý hợp pháp.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

*a) Có tổ chức;*

*b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;*

*c) Phạm tội 02 lần trở lên;*

*d) Làm người bị xâm phạm chỗ ở tự sát;*

*đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.*

*3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 nãm đến 05 năm.”*

Như vậy, pháp luật bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở cho mọi người dân. Quyền này được quy định từ Hiến pháp đến các luật chuyên ngành, nhằm đảm bảo tốt nhất quyền cho người dân, qua đó, giữ vững an toàn, trật tự xã hội.

**Câu 13. A năm nay 17 tuổi. Được biết, trong thời gian tới nhà nước có tổ chức trưng cầu ý dân về một vấn đề quan trọng. Hỏi A có quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân không?**

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 29 Hiến pháp năm 2013 thì công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân.

Vì vậy, nếu tại thời điểm Nhà nước trưng cầu ý dân mà A đã đủ 18 tuổi thì A có quyền biểu quyết; nếu A chưa đủ 18 tuổi thì A không có quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân.

**Câu 14. Hãy cho biết, Hiến pháp quy định như thế nào về quyền khiếu nại, tố cáo của người dân?**

Trả lời:

Quyền khiếu nại, quyền tố cáo là những quyền cơ bản của công dân, được Hiến pháp, pháp luật ghi nhận và bảo đảm thực hiện.

Điều 30 Hiến pháp năm 2013 quy định:

*“1. Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.*

*2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Người bị thiệt hại có quyền được bồi thường về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự theo quy định của pháp luật.*

*3. Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo làm hại người khác.”*

Việc ghi nhận quyền khiếu nại, tố cáo của công dân trong Hiến pháp 2013 đã tạo cơ sở pháp lý cho công dân thực hiện quyền cơ bản của mình. Và thông qua việc thực hiện quyền này, công dân đã góp phần tích cực vào hoạt động quản lý nhà nước và xã hội, đồng thời bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình. Khiếu nại, tố cáo là một phương thức thể hiện quyền dân chủ của nhân dân và là một trong những phương thức thực hiện quyền giám sát của nhân dân đối với bộ máy Nhà nước.

Việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo của công dân sẽ là cơ sở và nền tảng cho việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của công dân. Đồng thời, đây còn là phương tiện để công dân đấu tranh chống lại các hành vi trái pháp luật nhằm bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của chính mình, thông qua đó thiết thực tham gia vào việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội

**Câu 15. Hãy cho biết, quyền làm việc của công dân được Nhà nước bảo hộ thể hiện như thế nào trong Hiến pháp năm 2013?**

Trả lời:

Khoản 1 và 2 Điều 35 Hiến pháp năm 2013 đã quy định rõ:

“*1. Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc.*

1. *Người làm công ăn lương được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn; được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi*.”

Quy định này trong Hiến pháp 2013 đã đề cao quyền tự do lựa chọn việc làm, nơi làm việc. Đây là một trong những quyền con người quan trọng nhất trong lĩnh vực lao động. Nhà nước khuyến khích và tạo mọi điều kiện để công dân có thể tự tạo việc làm, làm giàu bằng sức lao động của chính bản thân họ.

Cùng với việc khẳng định vai trò của các tổ chức, cá nhân trong việc đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động thì pháp luật cũng khẳng định rõ trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cả người lao động và người sử dụng lao động, xây dựng mối quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa và ổn định.

Người lao động tham gia vào quan hệ lao động, có quyền làm việc cho bất kỳ người sử dụng lao động nào, làm bất cứ công việc gì mà pháp luật không cấm cũng như có quyền lựa chọn nơi làm việc phù hợp với điều kiện sinh sống. Người lao động có quyền chủ động nắm bắt công việc phù hợp với khả năng, nguyện vọng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và sức khỏe của mình.

Bộ luật lao động đã cụ thể hóa quy định của Hiến pháp về vấn đề này.

**Câu 16. Hãy cho biết, quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác được Hiến pháp quy định như thế nào?**

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Hiến pháp 2013 thì:

“*Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác.*

*Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác*.”

Ngày nay, việc trao đổi thông tin được thực hiện bằng nhiều cách thức khác nhau, trong đó sử dụng điện thoại, thư tín điện tử rất phổ biến. Hiến pháp đã quy định rõ về quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác. Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác.

Hành vi xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín của người khác có thể bị xử lý vi phạm hành chính hoặc có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự với tội danh xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín của người khác.

Việc thu giữ, khám xét thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện chỉ được tiến hành trong trường hợp luật định và tuân thủ các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

**BỘ LUẬT HÌNH SỰ**

**Câu 17. Bộ luật hình sự quy định như thế nào về hành vi và hình phạt đối với tội bạo loạn?**

**Trả lời:**

Khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định như sau:

Người nào hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực có tổ chức hoặc cướp phá tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chống chính quyền nhân dân, thì bị phạt như sau:

1. Người tổ chức, người hoạt động đắc lực hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình;

2. Người đồng phạm khác, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 15 năm;

3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”.

**Câu 18: Tôi xem trên ti vi thấy giới thiệu về Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung có quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân, đây là quy định mới nên tôi muốn biết nguyên tắc xử lý hình sự đối với pháp nhân như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại khoản 2, điều 3 Bộ Luật Hình sự năm 2015 và điểm b, khoản 1, điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, quy định nguyên tắc xử lý đối với pháp nhân thương mại như sau:

1. Mọi hành vi phạm tội do pháp nhân thương mại thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật;

2. Mọi pháp nhân thương mại phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế;

3. Nghiêm trị pháp nhân thương mại phạm tội dùng thủ đoạn tinh vi, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng;

4. Khoan hồng đối với pháp nhân thương mại tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại gây ra, chủ động ngăn chặn hoặc khắc phục hậu quả xảy ra.

**Câu 19: Tội mua bán người dưới 16 tuổi bị xử lý như thế nào theo quy định của pháp luật ?**

Trả lời:

Khoản 28 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định tội mua bán người sẽ bị xử lý như sau:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:

a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác, trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo;

b) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;

c) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người dưới 16 tuổi để thực hiện hành vi quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

b) Lợi dụng hoạt động cho, nhận con nuôi để phạm tội;

c) Đối với từ 02 người đến 05 người;

d) Đối với người mà mình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng;

đ) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

e) Phạm tội 02 lần trở lên;

g) Vì động cơ đê hèn;

h) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

d) Đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;

đ) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát;

e) Đối với 06 người trở lên;

g) Tái phạm nguy hiểm.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”.

**Câu 20: Con trai tôi làm bảo vệ cho một tập đoàn viễn thông, vào hôm có ca trực con tôi nhìn thấy một thanh niên lao vào cướp túi xách của một nhân viên tập đoàn nên đã chạy ra khống chế tên cướp để lấy lại túi xách cho cô gái, trong lúc giằng co quyết liệt không may tên cướp bị ngã đập đầu xuống mép tấm bê tông và bị thương tích. Tôi rất lo lắng nên muốn biết trong trường hợp này con trai tôi có phải chịu trách nhiệm hình sự hay không?**

**Trả lời:**

Khoản 1, Điều 22 Bộ Luật Hình sự năm 2015 quy định như sau:

“Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên. Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.”.

Như vậy, hành vi của con trai ông thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng để bảo vệ tài sản cho người khác nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

**Câu 21: Hành vi và hình phạt đối với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản được quy định như thế nào trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015?**

**Trả lời:**

Khoản 35 Điều 1 của Luật quy định như sau:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015: Tội cướp tài sản; tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; tội cưỡng đoạt tài sản; tội cướp giật tài sản; tội công nhiêm chiếm đoạt tài sản; tội trộm cắp tài sản; tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

đ) Dùng thủ đoạn xảo quyệt;

e) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

g) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.

4. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”.

**Câu 22: Tôi xem các chương trình của truyền hình công an nhân dân (ANTV) thấy nhắc đến các loại tội phạm, muốn phân biệt thế nào là tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng thì phải căn cứ vào đâu?**

**Trả lời:**

Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Hình sự năm 2015 quy định như sau:

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự, tội phạm được phân thành 04 loại sau đây:

1. Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm;

2. Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 03 năm tù đến 07 năm tù;

3. Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 07 năm tù đến 15 năm tù;

4. Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 15 năm tù đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

**Câu 23: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định như thế nào về hình phạt đối với tội vi phạm quy định về cung ứng điện?**

**Trả lời:**

Khoản 46 Điều 1 của Luật quy định về hình phạt như sau:

1. Người nào có trách nhiệm mà đóng điện, cắt điện, từ chối cung cấp điện trái quy định của pháp luật hoặc trì hoãn việc xử lý sự cố điện không có lý do chính đáng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

c) Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

d) Đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;

c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Làm chết 02 người trở lên;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;

c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”.

**Câu 24: Ở khu phố tôi sinh sống có sảy ra một sự việc như sau: Gia đình anh Tiến chị Nga làm ăn buôn bán không may bị thua lỗ nặng, cố gắng trang trải nợ nần nhưng vẫn không hết nợ. Anh Bình (hàng xóm) có cho vợ chồng anh chị Tiến Nga vay 50 triệu đã đòi nhiều lần nhưng không được, do bức xúc nên anh Bình đã dùng dao chém anh Tiến trọng thương. Với trách nhiệm là tổ trưởng tổ nhân dân, tôi muốn hỏi anh Bình có phải chịu trách nhiệm hình sự không?**

**Trả lời:**

Khoản 22 Điều 1Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Hình sự năm 2015 quy định như sau:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

b) Dùng a-xít nguy hiểm hoặc hóa chất nguy hiểm;

c) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;

d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, thầy giáo, cô giáo của mình, người nuôi dưỡng, chữa bệnh cho mình;

đ) Có tổ chức;

e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

g) Trong thời gian đang bị giữ, tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành án phạt tù, đang chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc đang chấp hành biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

h) Thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do được thuê;   
 i) Có tính chất côn đồ;

k) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30%;

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Tái phạm nguy hiểm;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 14 năm:

a) Làm chết người;

b) Gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;

d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

5. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Làm chết 02 người trở lên;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

6. Người nào chuẩn bị vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm, a-xít nguy hiểm, hóa chất nguy hiểm hoặc thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm nhằm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.”.

Căn cứ vào hành vi và tỷ lệ thương tích của anh Tiến để xác định trách nhiệm hình sự mà anh Bình phải chịu. Việc anh chị Tiến Nga vay tiền của anh Bình là do pháp luật về dân sự điều chỉnh, để đòi tiền anh Bình có thể khởi kiện anh chị Tiến Nga ra tòa án để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

**LUẬT KHIẾU NẠI**

**Câu 25: Theo quy định của pháp luật, các khiếu nại nào không được thụ lý giải quyết?**

**Trả lời:**

Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011 quy định các khiếu nại sau đây không được thụ lý giải quyết:

Khiếu nại thuộc một trong các trường hợp sau đây không được thụ lý giải quyết:

1. Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong nội bộ cơ quan nhà nước để chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, công vụ; quyết định hành chính, hành vi hành chính trong chỉ đạo điều hành của cơ quan hành chính cấp trên với cơ quan hành chính cấp dưới; quyết định hành chính có chứa đựng các quy phạm pháp luật do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao theo danh mục do Chính phủ quy định;

2. Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại;

3. Người khiếu nại không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ mà không có người đại diện hợp pháp;

4. Người đại diện không hợp pháp thực hiện khiếu nại;

5. Đơn khiếu nại không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại;

6. Thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng;

7. Khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần hai;

8. Có văn bản thông báo đình chỉ việc giải quyết khiếu nại mà sau 30 ngày người khiếu nại không tiếp tục khiếu nại;

9. Việc khiếu nại đã được Tòa án thụ lý hoặc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định của Toà án, trừ quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính của Tòa án.

**Câu 26: Nhà bà Hạnh và ông Thắng tranh chấp ngõ đi chung nhiều năm nay, thôn, xã đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai nhưng bà Hạnh không đồng ý, bà muốn khiếu nại Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, bà muốn hỏi trình tự khiếu nại được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 1,Điều 7 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định trình tự khiếu nại như sau:

Khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính, hành vi hành chính là trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình thì người khiếu nại khiếu nại lần đầu đến người đã ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có người có hành vi hành chính hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết lần đầu hoặc quá thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lần hai đến Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

**Câu 27: Người khiếu nại có những quyền và nghĩa vụ gì theo quy định của pháp luật:**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 12 của Luật khiếu nại năm 2011 người khiếu nại có các quyền và nghĩa vụ như sau:

1. Người khiếu nại có các quyền sau đây:

a) Tự mình khiếu nại.

Trường hợp người khiếu nại là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự thì người đại diện theo pháp luật của họ thực hiện việc khiếu nại;

Trường hợp người khiếu nại ốm đau, già yếu, có nhược điểm về thể chất hoặc vì lý do khách quan khác mà không thể tự mình khiếu nại thì được ủy quyền cho cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, con đã thành niên hoặc người khác có năng lực hành vi dân sự đầy đủ để thực hiện việc khiếu nại;

b) Nhờ luật sư tư vấn về pháp luật hoặc ủy quyền cho luật sư khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Trường hợp người khiếu nại là người được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật thì được nhờ trợ giúp viên pháp lý tư vấn về pháp luật hoặc ủy quyền cho trợ giúp viên pháp lý khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

c) Tham gia đối thoại hoặc ủy quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia đối thoại;

d) Được biết, đọc, sao chụp, sao chép, tài liệu, chứng cứ do người giải quyết khiếu nại thu thập để giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước;

đ) Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan đang lưu giữ, quản lý thông tin, tài liệu liên quan tới nội dung khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu đó cho mình trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có yêu cầu để giao nộp cho người giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước;

e) Được yêu cầu người giải quyết khiếu nại áp dụng các biện pháp khẩn cấp để ngăn chặn hậu quả có thể xảy ra do việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại;

g) Đưa ra chứng cứ về việc khiếu nại và giải trình ý kiến của mình về chứng cứ đó;

h) Nhận văn bản trả lời về việc thụ lý giải quyết khiếu nại, nhận quyết định giải quyết khiếu nại;

i) Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm; được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

k) Khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án theo quy định của Luật tố tụng hành chính;

l) Rút khiếu nại.

2. Người khiếu nại có các nghĩa vụ sau đây:

a) Khiếu nại đến đúng người có thẩm quyền giải quyết;

b) Trình bày trung thực sự việc, đưa ra chứng cứ về tính đúng đắn, hợp lý của việc khiếu nại; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan cho người giải quyết khiếu nại; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trình bày và việc cung cấp thông tin, tài liệu đó;

c) Chấp hành quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại trong thời gian khiếu nại, trừ trường hợp quyết định, hành vi đó bị tạm đình chỉ thi hành theo quy định tại Điều 35 của Luật này;

d) Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

3. Người khiếu nại thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Câu 28: Con trai bà Lý đi chơi cùng nhóm bạn và có xảy ra sô sát đánh nhau, cả nhóm đều bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xử phạt vi phạm hành chính. Con trai bà về nói với bà là có đi cùng nhóm bạn nhưng không hề tham gia đánh nhau, thậm chí còn can ngăn đám bạn khi chúng đánh nhau. Bà muốn cùng con trai đi khiếu nại Quyết định xử phạt hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Trước khi khiếu nại bà muốn biết người khiếu nại có những quyền và nghĩa vụ gì?**

**Trả lời:**

Điều 12 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định như sau:

1. Người khiếu nại có các quyền sau đây:

a) Tự mình khiếu nại.

Trường hợp người khiếu nại là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự thì người đại diện theo pháp luật của họ thực hiện việc khiếu nại;

Trường hợp người khiếu nại ốm đau, già yếu, có nhược điểm về thể chất hoặc vì lý do khách quan khác mà không thể tự mình khiếu nại thì được ủy quyền cho cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, con đã thành niên hoặc người khác có năng lực hành vi dân sự đầy đủ để thực hiện việc khiếu nại;

b) Nhờ luật sư tư vấn về pháp luật hoặc ủy quyền cho luật sư khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Trường hợp người khiếu nại là người được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật thì được nhờ trợ giúp viên pháp lý tư vấn về pháp luật hoặc ủy quyền cho trợ giúp viên pháp lý khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

c) Tham gia đối thoại hoặc ủy quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia đối thoại;

d) Được biết, đọc, sao chụp, sao chép, tài liệu, chứng cứ do người giải quyết khiếu nại thu thập để giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước;

đ) Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan đang lưu giữ, quản lý thông tin, tài liệu liên quan tới nội dung khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu đó cho mình trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có yêu cầu để giao nộp cho người giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước;

e) Được yêu cầu người giải quyết khiếu nại áp dụng các biện pháp khẩn cấp để ngăn chặn hậu quả có thể xảy ra do việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại;

g) Đưa ra chứng cứ về việc khiếu nại và giải trình ý kiến của mình về chứng cứ đó;

h) Nhận văn bản trả lời về việc thụ lý giải quyết khiếu nại, nhận quyết định giải quyết khiếu nại;

i) Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm; được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

k) Khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án theo quy định của Luật tố tụng hành chính;

l) Rút khiếu nại.

2. Người khiếu nại có các nghĩa vụ sau đây:

a) Khiếu nại đến đúng người có thẩm quyền giải quyết;

b) Trình bày trung thực sự việc, đưa ra chứng cứ về tính đúng đắn, hợp lý của việc khiếu nại; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan cho người giải quyết khiếu nại; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trình bày và việc cung cấp thông tin, tài liệu đó;

c) Chấp hành quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại trong thời gian khiếu nại, trừ trường hợp quyết định, hành vi đó bị tạm đình chỉ thi hành theo quy định tại Điều 35 của Luật này;

d) Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

3. Người khiếu nại thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Câu 29: Pháp luật quy định như thế nào về quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu ?**

**Trả lời:**

Điều 31 Luật khiếu nại 2011 quy định như sau:

1. Người giải quyết khiếu nại lần đầu phải ra quyết định giải quyết khiếu nại.

2. Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu phải có các nội dung sau đây:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Tên, địa chỉ người khiếu nại, người bị khiếu nại;

c) Nội dung khiếu nại;

d) Kết quả xác minh nội dung khiếu nại;

đ) Kết quả đối thoại (nếu có);

e) Căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại;

g) Kết luận nội dung khiếu nại;

h) Giữ nguyên, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định hành chính, chấm dứt hành vi hành chính bị khiếu nại; giải quyết các vấn đề cụ thể trong nội dung khiếu nại;

i) Việc bồi thường thiệt hại cho người bị khiếu nại (nếu có);

k) Quyền khiếu nại lần hai, quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

3. Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại xem xét, kết luận nội dung khiếu nại và căn cứ vào kết luận đó để ra quyết định giải quyết khiếu nại cho từng người hoặc ra quyết định giải quyết khiếu nại kèm theo danh sách những người khiếu nại.

**Câu 30: Ông Khang đang theo đuổi vụ việc khiếu nại liên quan đến việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định cưỡng chế di dời công trình xây dựng trái phép. Hôm qua ông vừa nhận được giấy báo tham gia đối thoại tại Ủy ban nhân dân huyện, ông lo lắng không biết đối thoại như thế nào, gồm những nội dung gì và được quy định ở văn bản pháp luật nào?**

**Trả lời:**

Điều 30 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định về tổ chức đối thoại như sau:

1. Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu, nếu yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau thì người giải quyết khiếu nại tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và hướng giải quyết khiếu nại; việc đối thoại phải tiến hành công khai, dân chủ.

2. Người giải quyết khiếu nại có trách nhiệm thông báo bằng văn bản với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức có liên quan biết thời gian, địa điểm, nội dung việc đối thoại.

3. Khi đối thoại, người giải quyết khiếu nại phải nêu rõ nội dung cần đối thoại, kết quả xác minh nội dung khiếu nại; người tham gia đối thoại có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ liên quan đến khiếu nại và yêu cầu của mình.

4. Việc đối thoại phải được lập thành biên bản; biên bản phải ghi rõ ý kiến của những người tham gia, kết quả đối thoại, có chữ ký hoặc điểm chỉ của người tham gia; trường hợp người tham gia đối thoại không ký, điểm chỉ xác nhận thì phải ghi rõ lý do; biên bản này được lưu vào hồ sơ vụ việc khiếu nại.

5. Kết quả đối thoại là một trong các căn cứ để giải quyết khiếu nại.

**Câu 31: Luật khiếu nại năm 2011 quy định hồ sơ giải quyết khiếu nại gồm những giấy tờ gì?**

**Trả lời:**

Điều 34 Luật khiếu nại năm 2011 quy định hồ sơ giải quyết khiếu nại bao gồm:

a) Đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại;

b) Tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp;

c) Biên bản kiểm tra, xác minh, kết luận, kết quả giám định (nếu có);

d) Biên bản tổ chức đối thoại (nếu có);

đ) Quyết định giải quyết khiếu nại;

e) Các tài liệu khác có liên quan.

Hồ sơ giải quyết khiếu nại phải được đánh số trang theo thứ tự tài liệu và được lưu giữ theo quy định của pháp luật. Trường hợp người khiếu nại khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án thì hồ sơ đó phải được chuyển cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết khi có yêu cầu.

**Câu 32: Anh Mạnh là công chức của Sở Văn hóa, thể thao và du lịch có hành vi vi phạm đạo đức và văn hóa giao tiếp của công chức trong thi hành công vụ bị Giám đốc Sở ra quyết định xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo. Anh Mạnh cho rằng việc xử lý như vậy là quá nặng so với hành vi vi phạm của anh nên muốn khiếu nại quyết định của Giám đốc Sở. Anh muốn hỏi thời hiệu khiếu nại theo quy định của pháp luật là bao nhiêu ngày?**

**Trả lời:**

Điều 48 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định về thời hiệu giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức như sau:

Thời hiệu khiếu nại lần đầu là 15 ngày, kể từ ngày cán bộ, công chức nhận được quyết định kỷ luật.

Thời hiệu khiếu nại lần hai là 10 ngày, kể từ ngày cán bộ, công chức nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; đối với quyết định kỷ luật buộc thôi việc thì thời hiệu khiếu nại lần hai là 30 ngày, kể từ ngày cán bộ, công chức nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

Trường hợp người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại.

**Câu 33: Pháp luật quy định việc khiếu nại được thực hiện bằng hình thức gì?**

**Trả lời:**

Hình thức khiếu nại được thực hiện bằng đơn theo quy định tại Điều 49 Luật khiếu nại năm 2011, cụ thể trong đơn khiếu nại phải ghi rõ ngày, tháng, năm; họ, tên, địa chỉ của người khiếu nại; nội dung, lý do khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và có chữ ký của người khiếu nại. Đơn khiếu nại lần đầu phải được gửi đến người đã ra quyết định kỷ luật. Đơn khiếu nại lần hai được gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai.

**LUẬT TỐ CÁO NĂM 2011 VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN; MỘT SỐ VĂN BẢN KHÁC THUỘC CÁC LĨNH VỰC AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI …**

**Câu 34. Anh K đã thu thập được bằng chứng chứng minh một số công chức của Bộ P nhận tiền đút lót “chạy việc”. Anh K muốn đứng ra tố cáo hành vi tiêu cực của các công chức này nhằm loại bỏ những hành vi tương tự về sau. Vậy khi đó, pháp luật sẽ bảo vệ anh K như thế nào và anh K cần làm gì để thực hiện quyền được bảo vệ của mình?**

**Trả lời:**

Quyền và nghĩa vụ của anh K được bảo vệ theo quy định tại Điều 35 Luật Tố cáo năm 2011. Theo đó, anh K có các quyền sau đây:

- Yêu cầu người giải quyết tố cáo, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ mình hoặc người thân thích của mình khi có căn cứ xác định việc bị kỷ luật, buộc thôi việc, luân chuyển công tác hoặc bị các hình thức trù dập, phân biệt đối xử khác, bị đe dọa xâm hại hoặc xâm hại tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác do việc tố cáo hành vi vi phạm pháp luật;

- Được thông báo về biện pháp bảo vệ được áp dụng; đề nghị thay đổi biện pháp bảo vệ nếu có căn cứ cho rằng biện pháp đó không bảo đảm an toàn; được từ chối áp dụng biện pháp bảo vệ;

- Yêu cầu gia hạn thời hạn bảo vệ; yêu cầu bảo vệ lại;

- Được bồi thường theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong trường hợp người tố cáo yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để bảo vệ mình mà các cơ quan, tổ chức, cá nhân đó không áp dụng hoặc áp dụng không kịp thời, không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản, tổn thất về tinh thần cho người được bảo vệ.

Bên cạnh đó, để bảo đảm cho các quyền của mình, thì anh K cần thực hiện các nghĩa vụ sau:

- Gửi văn bản yêu cầu bảo vệ trong trường hợp quy định tại các Điều 37 (Bảo vệ người tố cáo tại nơi công tác, làm việc), Điều 38 (Bảo vệ người tố cáo tại nơi cư trú) và Điều 39 (Bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, uy tín của người tố cáo) của Luật Tố cáo năm 2011 đến người giải quyết tố cáo hoặc cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ người tố cáo. Trong trường hợp khẩn cấp, có thể gặp trực tiếp hoặc thông qua các hình thức thông tin khác để yêu cầu được bảo vệ ngay nhưng sau đó phải gửi văn bản yêu cầu chính thức đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ;

- Cung cấp thông tin, tài liệu, căn cứ xác định việc bị xâm phạm hoặc đe dọa xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, uy tín hoặc quyền, lợi ích hợp pháp khác là xác thực và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp;

- Tuân thủ yêu cầu mà cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bảo vệ đưa ra có liên quan đến công tác bảo vệ; không được tiết lộ biện pháp bảo vệ cho người khác biết.

**Câu 35. Nhà xuất bản M trực thuộc sự quản lý của Bộ P. Trong quá trình điều hành hoạt động xuất bản, Lãnh đạo Nhà xuất bản M đã mắc nhiều sai phạm trong việc quyết định thu chi, hoạt động xuất bản khiến cho Nhà xuất bản M hoạt động kém hiệu quả. Trước tình hình đó, một số cán bộ của Nhà xuất bản M đã mạnh dạn viết đơn, trực tiếp gặp Lãnh đạo Bộ P để tố cáo hành vi tiêu cực của Giám đốc Nhà xuất bản M. Xin hỏi trong trường hợp này, pháp luật quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc tiếp nhận, giải quyết tố cáo, cụ thể là Lãnh đạo Bộ P có trách nhiệm như thế nào để đảm bảo quyền lợi cho người tố cáo?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 5 Luật Tố cáo năm 2011, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tiếp người tố cáo, tiếp nhận và giải quyết tố cáo theo đúng quy định của pháp luật; xử lý nghiêm minh người vi phạm; áp dụng biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra, bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khoẻ, tài sản, danh dự, nhân phẩm, uy tín, việc làm, bí mật cho người tố cáo; bảo đảm quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo được thi hành nghiêm chỉnh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định xử lý của mình.

Như vậy, trong trường hợp này, Lãnh đạo Bộ P với tư cách là cơ quan quản lý Nhà xuất bản M phải có trách nhiệm kịp thời bảo đảm các quyền lợi như việc làm, tài sản, danh dự… cho cán bộ, nhân viên tham gia tố cáo về việc làm của Giám đốc Nhà xuất bản M, bảo đảm người bị tố cáo không bị trù dập, xử lý nghiêm minh người vi phạm (nếu có).

Bên cạnh đó, pháp luật còn quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo có trách nhiệm bố trí trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân để tiếp nhận tố cáo, khiếu nại, kiến nghị, phản ánh. Việc tổ chức tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Ngoài ra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc tiếp nhận, giải quyết tố cáo mà không tiếp nhận, không giải quyết theo đúng quy định của Luật Tố cáo, thiếu trách nhiệm trong việc tiếp nhận, giải quyết tố cáo hoặc cố ý giải quyết tố cáo trái pháp luật phải bị xử lý nghiêm minh, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

**Câu 36. Trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức trong việc giải quyết tố cáo được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 6 Luật Tố cáo năm 2011, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc giải quyết tố cáo. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý, lưu giữ thông tin, tài liệu có liên quan đến việc tố cáo có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu theo yêu cầu của người có thẩm quyền giải quyết tố cáo trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu; trường hợp không cung cấp, cung cấp không đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu theo yêu cầu thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**Câu 37. Báo PL thuộc Bộ P trong một lần xác minh theo thư bạn đọc đã đăng bài phản ánh vụ việc tố cáo và giải quyết tố cáo tại Tòa án nhân dân tỉnh Q. Tuy nhiên, sau đó Tòa án nhân dân tỉnh Q đã có văn bản gửi Tổng biên tập báo PL đề nghị thực hiện việc cải chính thông tin do đưa tin sai sự thật về việc tố cáo và giải quyết tố cáo tại cơ quan mình. Xin hỏi, trong trường hợp này, việc đưa tin của báo PL có bị pháp luật về tố cáo nghiêm cấm hay không? Các hành vi nào là hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật Tố cáo?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 8 Luật Tố cáo năm 2011, các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

1. Gây khó khăn, phiền hà đối với việc thực hiện quyền tố cáo của công dân.

2. Thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết tố cáo.

3. Tiết lộ họ, tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo và những thông tin khác có thể làm lộ danh tính của người tố cáo.

4. Làm sai lệch hồ sơ vụ việc trong quá trình giải quyết tố cáo.

5. Không giải quyết hoặc cố ý giải quyết tố cáo trái pháp luật; lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc giải quyết tố cáo để thực hiện hành vi trái pháp luật, sách nhiễu, gây phiền hà cho người bị tố cáo.

6. Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm bảo vệ người tố cáo.

7. Cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết tố cáo.

8. Cản trở việc thực hiện quyền tố cáo; đe dọa, trả thù, trù dập, xúc phạm người tố cáo.

9. Bao che người bị tố cáo.

10. Cố ý tố cáo sai sự thật; kích động, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc người khác tố cáo sai sự thật; mạo danh người khác để tố cáo.

11. Mua chuộc, hối lộ người giải quyết tố cáo; đe dọa, trả thù, xúc phạm người giải quyết tố cáo.

12. Lợi dụng việc tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước, xâm phạm lợi ích của Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, gây rối an ninh, trật tự công cộng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác.

13. Đưa tin sai sự thật về việc tố cáo và giải quyết tố cáo.

14. Vi phạm các quy định khác của pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo.

Như vậy, theo quy định tại khoản 13 Điều này, hành vi đưa tin sai sự thật về việc tố cáo và giải quyết tố cáo của Báo PL đối với Tòa án nhân dân tỉnh Q là một trong những hành vi bị nghiêm cấm. Vi phạm hành vi bị nghiêm cấm, báo PL không chỉ phải đăng cải chính thông tin mà còn bị áp dụng các biện pháp xử phạt hành chính do đưa thông tin sai sự thật theo quy định của pháp luật về báo chí.

**Câu 38. Anh X trưởng phòng và chị Y cùng công tác tại Phòng BTTP của Sở TP. Trong quá trình công tác, chị Y được biết anh X đã nhiều lần móc nối với các đối tượng tiêu cực để tìm cách vòi tiền những người xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp tại Phòng BTTP của Sở TP. Biết nhiều người bị mất tiền oan nên chị Y có ý định tố cáo hành vi của anh X. Tuy nhiên, chị Y còn băn khoăn vì e ngại anh X biết việc tố cáo của mình. Xin hỏi trong trường hợp này chị Y có quyền được giữ bí mật họ tên và các thông tin cá nhân của mình hay không? Khi tố cáo, người tố cáo có quyền và nghĩa vụ gì?**

**Trả lời:**

Trong trường hợp này, chị Y hoàn toàn có thể yên tâm thực hiện việc tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của đồng nghiệp là anh X với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo vì theo quy định của Luật tố cáo thì người tố cáo có quyền được giữ bí mật các thông tin liên quan đến cá nhân mình.

Theo quy định tại Điều 9 Luật Tố cáo năm 2011, *người tố cáo có quyền*:

- Gửi đơn hoặc trực tiếp tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Được giữ bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích và các thông tin cá nhân khác của mình;

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thông báo về việc thụ lý giải quyết tố cáo, thông báo chuyển vụ việc tố cáo sang cơ quan có thẩm quyền giải quyết, thông báo kết quả giải quyết tố cáo;

- Tố cáo tiếp khi có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn quy định mà tố cáo không được giải quyết;

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền bảo vệ khi bị đe dọa, trả thù, trù dập;

- Được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, *người tố cáo có nghĩa vụ*:

- Nêu rõ họ, tên, địa chỉ của mình;

- Trình bày trung thực về nội dung tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà mình có được;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung tố cáo của mình;

- Bồi thường thiệt hại do hành vi cố ý tố cáo sai sự thật của mình gây ra.

**Câu 39. Anh L là Thủ trưởng một cơ quan chức năng của Bộ P. Vừa qua, anh đã bị một số cá nhân gửi đơn tố cáo về việc vi phạm tư cách đạo đức của anh lên Bộ P. Qua xác minh của cơ quan có thẩm quyền cho thấy việc tố cáo đối với anh là sai sự thật nên anh đã yêu cầu Bộ P xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật đối với anh. Xin hỏi yêu cầu này của anh L có hợp pháp hay không? Người bị tố cáo như anh L có quyền và nghĩa vụ gì?**

**Trả lời:**

Việc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật của anh L là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 Luật Tố cáo năm 2011: *“Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật, người cố ý giải quyết tố cáo trái pháp luật”.*

Ngoài ra, theo quy định tại Điều luật này, người bị tố cáo như anh L còn có các quyền như sau:

- Được thông báo về nội dung tố cáo;

- Đưa ra chứng cứ để chứng minh nội dung tố cáo là không đúng sự thật;

- Nhận thông báo kết luận nội dung tố cáo;

- Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, được xin lỗi, cải chính công khai, được bồi thường thiệt hại do việc tố cáo, giải quyết tố cáo không đúng gây ra.

*Bên cạnh đó, người bị tố cáo cũng có các nghĩa vụ cụ thể là:*

- Giải trình bằng văn bản về hành vi bị tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan khi cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu;

- Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định xử lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền;

- Bồi thường, bồi hoàn thiệt hại do hành vi trái pháp luật của mình gây ra.

**Câu 40. Theo quy định của Luật Tố cáo, người giải quyết tố cáo có quyền và nghĩa vụ gì?**

**Trả lời:**

Quyền và nghĩa vụ của người giải quyết tố cáo được quy định tại Điều 11 Luật Tố cáo năm 2011. *Theo đó, người giải quyết tố cáo có các quyền sau đây:*

- Yêu cầu người tố cáo cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo;

- Yêu cầu người bị tố cáo giải trình bằng văn bản về hành vi bị tố cáo;

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo;

- Tiến hành các biện pháp kiểm tra, xác minh, thu thập chứng cứ để giải quyết tố cáo theo quy định của pháp luật; áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để ngăn chặn, chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật;

- Kết luận về nội dung tố cáo;

- Quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

*Bên cạnh đó, người giải quyết tố cáo có các nghĩa vụ:*

- Bảo đảm khách quan, trung thực, đúng pháp luật trong việc giải quyết tố cáo;

- Áp dụng các biện pháp cần thiết theo thẩm quyền hoặc yêu cầu cơ quan chức năng áp dụng các biện pháp để bảo vệ người tố cáo, người thân thích của người tố cáo, người cung cấp thông tin có liên quan đến việc tố cáo;

- Không tiết lộ thông tin gây bất lợi cho người bị tố cáo khi chưa có kết luận về nội dung tố cáo;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giải quyết tố cáo;

- Bồi thường, bồi hoàn thiệt hại do hành vi giải quyết tố cáo trái pháp luật của mình gây ra.

**Câu 41. Phát hiện H – công chức Cục T, Bộ P vi phạm pháp luật, S muốn tố cáo H nhưng không biết cơ quan nào có trách nhiệm giải quyết tố cáo. Vì vậy, S muốn biết trong trường hợp này, nếu S tố cáo H thì cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết?**

**Trả lời:**

Điều 12 Luật Tố cáo năm 2011 quy định nguyên tắc xác định thẩm quyền như sau:

- Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức đó giải quyết.

Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức do người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức đó giải quyết.

- Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của nhiều cơ quan, tổ chức do người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý cán bộ, công chức, viên chức bị tố cáo phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan giải quyết.

- Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức có dấu hiệu tội phạm do cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

Như vậy, trong trường hợp nêu trên, nếu S tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của H thì trách nhiệm giải quyết tố cáo đối với H thuộc thẩm quyền Cục trưởng Cục T.

**Câu 42. Ông L tố cáo Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã vì cho rằng ông này ra quyết định hành chính không đúng, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của con gái ông, hiện đang là Công chức tư pháp - hộ tịch xã. Ông L muốn biết trong vụ việc này, cơ quan nào có trách nhiệm giải quyết?**

Theo khoản 2 Điều 13 Luật Tố cáo năm 2011 quy định về thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong cơ quan hành chính nhà nước, cụ thể: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân cấp huyện và cán bộ, công chức do mình bổ nhiệm, quản lý trực tiếp.

Trường hợp cụ thể này, vì người bị ông L tố cáo là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã nên thẩm quyền giải quyết tố cáo thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện sở tại.

**Câu 43. Thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức trong cơ quan khác của Nhà nước được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 14 Luật Tố cáo năm 2011 quy định thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức trong cơ quan khác của Nhà nước, cụ thể như sau:

- Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp có thẩm quyền:

+ Giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của công chức do mình quản lý trực tiếp;

+ Giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát cấp dưới.

- Tổng Kiểm toán Nhà nước có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của Kiểm toán trưởng, Phó Kiểm toán trưởng Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành, Kiểm toán Nhà nước khu vực và công chức do mình bổ nhiệm, quản lý trực tiếp.

Kiểm toán trưởng Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành, Kiểm toán Nhà nước khu vực có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của công chức do mình bổ nhiệm, quản lý trực tiếp.

- Người đứng đầu cơ quan khác của Nhà nước có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của công chức do mình bổ nhiệm, quản lý trực tiếp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đối với cán bộ là đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ do mình quản lý.

**Câu 44. Đề nghị cho biết thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 15 Luật Tố cáo năm 2011 quy định thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức do mình tuyển dụng, bổ nhiệm, quản lý trực tiếp.

- Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập có thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức quản lý do mình bổ nhiệm.

**Câu 45. Ông T tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của Vụ trưởng Vụ B, Bộ P, ông đã nộp đơn lên Bộ P nhưng ông muốn biết việc giải quyết tố cáo được thực hiện theo những trình tự nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 18 Luật Tố cáo năm 2011 thì việc giải quyết tố cáo được thực hiện theo trình tự sau đây:

- Tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo;

- Xác minh nội dung tố cáo;

- Kết luận nội dung tố cáo;

- Xử lý tố cáo của người giải quyết tố cáo;

- Công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo.

**Câu 46. Bà H tố cáo với Hiệu trưởng Trường THPT Hoa Nắng về hành vi làm sai lệch hồ sơ của một số cán bộ trường. Nhưng trong đơn tố cáo bà H không ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo. Vậy xin hỏi đơn tố cáo của bà H được xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Việc tố cáo được thực hiện bằng hai hình thức: Tố cáo bằng đơn hoặc tố cáo trực tiếp. Điều 19 Luật Tố cáo năm 2011 quy định trong đơn tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo; họ, tên, địa chỉ của người tố cáo; nội dung tố cáo. Đơn tố cáo phải do người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo bằng đơn thì trong đơn phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ của từng người tố cáo, có chữ ký hoặc điểm chỉ của những người tố cáo; họ, tên người đại diện cho những người tố cáo để phối hợp khi có yêu cầu của người giải quyết tố cáo.

Như vậy, đơn tố cáo của bà H không nghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo nên người tiếp nhận đơn tố cáo của bà H phải có trách nhiệm hướng dẫn bà H viết lại đơn tố cáo cho đúng với hình thức tố cáo.

**Câu 47. Tôi nộp đơn tố cáo cán bộ địa chính nhận hối lộ. Sau hơn hai tháng nộp đơn tôi đến hỏi thì được cán bộ tiếp dân trả lời rằng sự việc đã được Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã thụ lý giải quyết nhưng vụ việc đang trong quá trình điều tra, xác minh. Vậy xin hỏi, pháp luật quy định như thế nào về thời hạn tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo?**

**Trả lời:**

Điều 20 Luật Tố cáo năm 2011 quy định về việc tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo cụ thể như sau:

- Khi nhận được tố cáo thì người giải quyết tố cáo có trách nhiệm phân loại và xử lý như sau:

+ Nếu tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn tố cáo, phải kiểm tra, xác minh họ, tên, địa chỉ của người tố cáo và quyết định việc thụ lý hoặc không thụ lý giải quyết tố cáo, đồng thời thông báo cho người tố cáo biết lý do việc không thụ lý, nếu có yêu cầu; trường hợp phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn kiểm tra, xác minh có thể dài hơn nhưng không quá 15 ngày;

+ Nếu tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn tố cáo, người tiếp nhận phải chuyển đơn tố cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người tố cáo, nếu có yêu cầu. Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp thì người tiếp nhận tố cáo hướng dẫn người tố cáo đến tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết.

- Đối với các trường hợp: Tố cáo về vụ việc đã được người đó giải quyết mà người tố cáo không cung cấp thông tin, tình tiết mới; tố cáo về vụ việc mà nội dung và những thông tin người tố cáo cung cấp không có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật; tố cáo về vụ việc mà người có thẩm quyền giải quyết tố cáo không đủ điều kiện để kiểm tra, xác minh hành vi vi phạm pháp luật, người vi phạm thì người có thẩm quyền không thụ lý giải quyết tố cáo.

- Trong quá trình tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo, nếu xét thấy hành vi bị tố cáo có dấu hiệu tội phạm thì cơ quan, tổ chức nhận được tố cáo có trách nhiệm chuyển hồ sơ, tài liệu và những thông tin về vụ việc tố cáo đó cho cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp hành vi bị tố cáo gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, của tập thể, tính mạng, tài sản của công dân thì cơ quan, tổ chức nhận được tố cáo phải áp dụng biện pháp cần thiết theo thẩm quyền hoặc báo ngay cho cơ quan công an, cơ quan khác có trách nhiệm ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm.

**Câu 48. Pháp luật quy định như thế nào về việc xác minh nội dung tố cáo?**

**Trả lời:**

Điều 22 Luật Tố cáo năm 2011 quy định về việc xác minh nội dung tố cáo, cụ thể như sau:

- Người giải quyết tố cáo tiến hành xác minh hoặc giao cho cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xác minh nội dung tố cáo (sau đây gọi chung là người xác minh nội dung tố cáo).

- Người giải quyết tố cáo giao cho người xác minh nội dung tố cáo bằng văn bản, trong đó có các nội dung sau đây:

+ Ngày, tháng, năm giao xác minh;

+ Tên, địa chỉ của người bị tố cáo;

+ Người được giao xác minh nội dung tố cáo;

+ Nội dung cần xác minh;

+ Thời gian tiến hành xác minh;

+ Quyền hạn và trách nhiệm của người được giao xác minh nội dung tố cáo.

- Người xác minh nội dung tố cáo phải tiến hành các biện pháp cần thiết để thu thập thông tin, tài liệu, làm rõ nội dung tố cáo. Thông tin, tài liệu thu thập phải được ghi chép thành văn bản, khi cần thiết thì lập thành biên bản, được lưu giữ trong hồ sơ vụ việc tố cáo.

- Trong quá trình xác minh, người xác minh nội dung tố cáo phải tạo điều kiện để người bị tố cáo giải trình, đưa ra các chứng cứ để chứng minh tính đúng, sai của nội dung tố cáo cần xác minh. Việc giải trình của người bị tố cáo phải được lập thành biên bản, có chữ ký của người xác minh nội dung tố cáo và người bị tố cáo.

- Người được giao xác minh nội dung tố cáo có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1, điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 11 của Luật Tố cáo năm 2011, đồng thời kết luận nội dung xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý và báo cáo người giải quyết tố cáo.

**Câu 49. Ông T nộp đơn tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của ông Q - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đến Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện L. Tuy nhiên, trong quá trình gửi kết luận nội dung tố cáo, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện L đã để lộ thông tin về người tố cáo. Vậy hành vi để tiết lộ thông tin của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện L có vi phạm quy định của Luật Tố cáo không?**

**Trả lời:**

Là người giải quyết đơn tố cáo của ông T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phải có trách nhiệm gửi kết luận nội dung tố cáo cho người bị tố cáo là ông Q. Khoản 1 Điều 26 Luật Tố cáo năm 2011 quy định về việcgửi kết luận nội dung tố cáo, theo đó, việc gửi văn bản kết luận nội dung tố cáo bảo đảm không tiết lộ thông tin về người tố cáo và bảo vệ bí mật nhà nước. Như vậy, hành vi tiết lộ thông tin của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện là vi phạm quy định của pháp luật tố cáo.

Câu 50. Phát hiện thấy cảnh sát giao thông A nhận tiền của người vi phạm rồi cho đi mà không lập biên bản xử lý, ông X đã lên Công an quận tố giác hành vi của anh A. Xin hỏi việc tố giác của ông X có được coi là tố cáo hay không?

Trả lời:

Điều 2 Luật Tố cáo số 03/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011 (sau đây gọi là Luật Tố cáo năm 2011) quy định: Tố cáo là việc công dân theo thủ tục do Luật Tố cáo quy định báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ là việc công dân báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực là việc công dân báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào đối với việc chấp hành quy định pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực.

Như vậy, việc tố giác của ông X trong trường hợp trên được coi là hành vi tố cáo theo quy định của pháp luật.

**PHÁP LỆNH DÂN CHỦ CƠ SỞ**

**Câu 51. Hãy cho biết, pháp lệnh dân chủ thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định về những nội dung gì?**

Trả lời:

Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn là một văn bản pháp luật được Uỷ ban thường vụ Quốc hội Việt Nam khoá XI đã thông qua vào ngày 20 tháng 4 năm 2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 2007. Đây là văn bản quy định về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và là văn bản pháp lý quan trọng nhằm phát huy quyền dân chủ của nhân dân ở xã, phường, thị trấn.

Pháp lệnh này quy định những nội dung phải công khai để nhân dân biết; những nội dung nhân dân bàn và quyết định; những nội dung nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; những nội dung nhân dân giám sát; trách nhiệm của chính quyền, cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), của cán bộ thôn, làng, ấp, bản, phum, sóc (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố, khối phố (sau đây gọi chung là tổ dân phố), của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và của nhân dân trong việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.

**Câu 52. Xin cho biết, thực hiện dân chủ ở cấp xã phải dựa trên những nguyên tắc nào?**

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 2 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì nguyên tắc thực hiện dân chủ ở cấp xã bao gồm:

- Bảo đảm trật tự, kỷ cương, trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

- Bảo đảm quyền của nhân dân được biết, tham gia ý kiến, quyết định, thực hiện và giám sát việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.

- Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện dân chủ ở cấp xã.

- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước.

**Câu 53. Hãy cho biết, cơ quan, tổ chức, cá nhân nào có trách nhiệm tổ chức thực hiện dân chủ ở cấp xã**

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện dân chủ ở cấp xã.

Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp trong việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cấp xã.

Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận ở cấp xã có trách nhiệm giám sát việc thực hiện và tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện dân chủ ở cấp xã.

**Câu 54. Hãy cho biết, những hành vi bị cấm trong thực hiện dân chủ ở cấp xã?**

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 4 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì các hành vi bị cấm bao gồm:

- Không thực hiện hoặc làm trái các quy định về thực hiện dân chủ ở cấp xã.

- Trù dập người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.

- Bao che, cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.

- Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cấp xã để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

**Câu 55. Được biết, thời gian tới, xã tôi thuộc diện điều chỉnh quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã. Vậy xin hỏi, người dân có được biết về phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã hay không?**

Trả lời:

Theo Điều 5 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định về nội dung công khai có nội dung “Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã”.

Do đó, cơ quan có thẩm quyền sẽ công khai phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã nên người dân sẽ được biết về nội dung này.

**Câu 56. Sau khi họp tổ dân cư, gia đình tôi có được đề xuất đưa vào diện bình xét hộ nghèo được vay vốn để sản xuất. Nhưng đã lâu, gia đình tôi vẫn chưa nhận được thông tin về kết quả bình xét. Vậy, xin cho biết, người dân có được công khai về kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn để sản xuất hay không?**

Trả lời:

Theo Điều 5 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định về nội dung công khai có nội dung “Chủ trương, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế”.

Do đó, người dân sẽ được công khai về kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn để sản xuất sau khi có kết quả.

**Câu 57. Tôi là công dân thôn Nà Láng, đi họp thôn thấy ông trưởng thôn công bố một số nội dung cần công khai, tôi muốn hỏi đầy đủ những nội dung công khai để nhân dân được biết?**

**Trả lời:**

Điều 5, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định những nội dung công khai để nhân dân được biết, bao gồm:

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ph­ương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách hằng năm của cấp xã.

2. Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân.

4. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động nhân dân đóng góp.

5. Chủ trư­ơng, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo đư­ợc vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế.

6. Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã.

7. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của cán bộ thôn, tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã.

8. Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân theo quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh này.

9. Đối tư­ợng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.

10. Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện.

11. Những nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

**Câu 58. Các hình thức công khai để nhân dân biết được quy định như thế nào trong pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn?**

**Trả lời:**

Hình thức công khai được quy định tại Điều 6 của Pháp lệnh như sau:

1. Những nội dung quy định tại Điều 5 của Pháp lệnh này được công khai bằng các hình thức sau đây:

a) Niêm yết công khai tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân cấp xã;

b) Công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã;

c) Công khai thông qua Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến nhân dân.

2. Chính quyền cấp xã có thể áp dụng đồng thời nhiều hình thức công khai quy định tại khoản 1 Điều này; thực hiện việc cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 32 của Luật phòng, chống tham nhũng.

**Câu 59. Tôi xin hỏi, hiện nay ở xã tôi đang có nhiều dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đồng thời để nâng cao đời sống cho bà con, xã đang thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Biết được chủ trương trên một số bà con trong xã rất muốn biết cụ thể về các nội dung trên. Tôi xin hỏi, theo quy định của pháp luật phải công khai những nội dung nào và hình thức công khai ?**

**Trả lời:**

Điều 8 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định những nội dung sau được công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã hoặc gửi đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến nhân dân, bao gồm:

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ph­ương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách hằng năm của cấp xã.

2. Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân.

4. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động nhân dân đóng góp.

5. Chủ trư­ơng, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo đư­ợc vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế.

6. Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã.

7. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của cán bộ thôn, tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã.

8. Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân theo quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh này;

9. Những nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết

Chính quyền cấp xã có trách nhiệm công khai 09 nội dung quy định trên chậm nhất là hai ngày, kể từ ngày văn bản được thông qua, ký ban hành đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền cấp xã hoặc kể từ ngày nhận được văn bản đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên. Trường hợp công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã thì thời hạn công khai là ba ngày liên tục.

**Câu 60. Việc tổ chức thực hiện các nội dung công khai thuộc trách nhiệm của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền nào?**

**Trả lời:**

Điều 9 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định việc tổ chức thực hiện các nội dung công khai thuộc trách nhiệm của các cơ quan, cá nhân sau:

1. Uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập, thông qua kế hoạch thực hiện những nội dung công khai, trong đó nêu rõ cách thức triển khai thực hiện, thời gian thực hiện và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch, phương án đã được thông qua.

3. Uỷ ban nhân dân cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung công khai tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân.

**Câu 61. Mấy ngày nay, nhân dân thôn Tứ xôn xao việc đóng góp làm đường, cứ mỗi người một ý, có phải góp hay không, góp nhiều hay ít. Đường thôn là công trình nhà nước và nhân dân cùng làm thì nhân dân có quyền có ý kiến không, nhân dân trong thôn muốn hỏi: Những nội dung nào Nhân dân được bàn và quyết định trực tiếp; những nội dung nào Nhân dân được bàn và biểu quyết?**

**Trả lời:**

- Điều 10, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp, bao gồm:

Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ tr­ương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư­ phù hợp với quy định của pháp luật.

- Điều 13, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định nội dung nhân dân bàn và biểu quyết, bao gồm:

1. Hương ước, quy ­ước của thôn, tổ dân phố.

2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

**Câu 62. Hình thức thực hiện đối với những nội dung nhân dân bàn và quyết định quyết định trực tiếp được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 11 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định hình thức như sau:

1. Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp những nội dung quy định về chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư­ bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố;

b) Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

2. Trường hợp tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình thì việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; hình thức biểu quyết do hội nghị quyết định; nếu số người tán thành chưa đạt quá 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố hoặc trong toàn cấp xã thì tổ chức lại cuộc họp.

3. Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp thì phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

**Câu 63. Để đảm bảo những việc nhân dân bàn và quyết định trực tiếp có giá trị thi hành, pháp luật quy định về vấn đề này như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 12Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định giá trị thi hành đối với những việc nhân dân bàn và quyết định trực tiếp như sau:

1. Những nội dung quy định về chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư­ khi đưa ra nhân dân bàn và quyết định trực tiếp, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố hoặc trong toàn cấp xã tán thành thì có giá trị thi hành.

2. Nhân dân có trách nhiệm tham gia bàn và quyết định các công việc của thôn, tổ dân phố và của cấp xã theo quy định của pháp luật; chấp hành và thực hiện các quyết định đã có giá trị thi hành.

3. Chính quyền cấp xã phối hợp với Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp tổ chức tuyên truyền, vận động, thuyết phục những cử tri, hộ gia đình chưa tán thành trong việc thực hiện những quyết định đã có giá trị thi hành.

**Câu 64. Tôi muốn hỏi nhân dân được tham gia ý kiến vào những nội dung gì của nhà nước trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định?**

**Trả lời:**

Điều 19, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định những nội dung nhân dân được tham gia ý kiến, bao gồm:

1. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã; ph­ương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành nghề của cấp xã.

2. Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất của cấp xã.

3. Dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn cấp xã; chủ tr­ương, phư­ơng án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái định cư­; ph­ương án quy hoạch khu dân cư­.

4. Dự thảo đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp đến cấp xã.

5. Những nội dung khác cần phải lấy ý kiến nhân dân theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

**Câu 65. Những nội dung nào phải được công khai niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân cấp xã ?**

**Trả lời:**

Theo Điều 7 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định phải thực hiện công khai bằng hình thức niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã đối với những nội dung sau:

1. Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân.

3. Đối tư­ợng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.

4. Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện.

Chính quyền cấp xã có trách nhiệm niêm yết những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này chậm nhất là hai ngày, kể từ ngày văn bản được thông qua, ký ban hành đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền cấp xã hoặc kể từ ngày nhận được văn bản đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên.

Thời gian niêm yết các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 nêu trên ít nhất là ba mươi ngày liên tục, kể từ ngày niêm yết; các nội dung quy định tại khoản 3 và khoản 4 nêu trên được niêm yết thường xuyên.

**Câu 66. Xem ti vi tôi thấy nhiều chương trình đưa ra vấn đề nhân dân được quyền giám sát đối với các hoạt động của nhà nước. Tôi muốn hỏi nhân dân giám sát các hoạt động đó bằng hình thức nào?**

**Trả lời:**

Điều 24, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định hình thức để thực hiện việc giám sát của nhân dân như sau:

1. Nhân dân thực hiện việc giám sát thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Trình tự, thủ tục hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Nhân dân trực tiếp thực hiện việc giám sát thông qua quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc kiến nghị thông qua Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Trình tự, thủ tục khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Câu 67. Để thực hiện việc giám sát của nhân dân có hiệu quả, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải có trách nhiệm gì?**

**Trả lời:**

Điều 25, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định như sau:

1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng;

2. Xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, kiến nghị của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã hoặc báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình;

3. Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng hoặc người có hành vi trả thù, trù dập công dân khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

**Câu 68. Tôi mới làm trưởng thôn nên chưa tìm hiểu quy định về bỏ phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã. Tôi muốn hỏi tôi có thuộc thành phần được bỏ phiếu không và hình thức thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 26, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định về lấy phiếu tín nhiệm như sau:

1. Hai năm một lần trong mỗi nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ban Thường trực Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã.

2. Thành phần tham gia lấy phiếu tín nhiệm gồm các thành viên Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thành viên Ban thường vụ của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban giám sát đầu tư của cộng đồng (nếu có), Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố.

3. Ban thường trực Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã gửi kết quả lấy phiếu tín nhiệm và kiến nghị của mình tới Hội đồng nhân dân cùng cấp và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

**Câu 69. Chị Lò Thị Mơ muốn biết Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 (sau đây viết tắt là Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở) quy định như thế nào về những nội dung nhân dân tham gia ý kiến và hình thức để nhân dân tham gia ý kiến?**

**Trả lời:**

Điều chị Lò Thị Mơ hỏi được trả lời như sau: Theo quy định tại Điều 19 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở, nhân dân đượctham gia ý kiến đối với những nội dung sau đây:

- Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã; ph­ương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành nghề của cấp xã.

- Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất của cấp xã.

- Dự thảo kế hoạch triển khai các ch­ương trình, dự án trên địa bàn cấp xã; chủ tr­ương, phư­ơng án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái định cư­; ph­ương án quy hoạch khu dân cư­.

- Dự thảo đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp đến cấp xã.

- Những nội dung khác cần phải lấy ý kiến nhân dân theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

Điều 20Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định về hình thức để nhân dân tham gia ý kiến như sau:

- Họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố.

- Phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

- Thông qua hòm thư­ góp ý.

**Câu 70. Xin hỏi, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định như thế nào về trách nhiệm của chính quyền cấp xã về tổ chức thực hiện những nội dung nhân dân tham gia ý kiến?**

**Trả lời:**

Điều 21 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định trách nhiệm của chính quyền cấp xã về tổ chức thực hiện những nội dung nhân dân tham gia ý kiến như sau:

- Uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập, thông qua kế hoạch để lấy ý kiến nhân dân về những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền cấp xã, trong đó nêu rõ cách thức triển khai, thời gian và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

- Uỷ ban nhân dân cấp xã phối hợp với Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức thực hiện kế hoạch đã được thông qua.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức lấy ý kiến, tổng hợp ý‎ kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình; nghiên cứu tiếp thu ý kiến và thông báo với nhân dân về tiếp thu ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

Trường hợp chính quyền cấp xã quyết định các nội dung quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh này khác với ý‎ kiến của đa số thì phải nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- Đối với những nội dung do cơ quan có thẩm quyền giao cho chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân thì Uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập, thông qua kế hoạch thực hiện, trong đó nêu rõ cách thức triển khai, thời gian và trách nhiệm tổ chức thực hiện; chỉ đạo tổ chức thực hiện, tổng hợp ý kiến và báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về kết quả lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn.

- Uỷ ban nhân dân cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung đưa ra lấy ý kiến nhân dân tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân.

**Câu 71. Xin hỏi, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định như thế nào về trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền cấp trên về tổ chức thực hiện những nội dung nhân dân cấp xã tham gia ý kiến?**

**Trả lời:**

Điều 22 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở quy địnhvề trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền cấp trên về tổ chức thực hiện những nội dung nhân dân cấp xã tham gia ý kiến như sau:

- Lấy ý kiến nhân dân trước khi quyết định về những việc liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của công dân trên địa bàn cấp xã.

- Chỉ đạo Uỷ ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn cấp xã.

- Cung cấp các tài liệu cần thiết cho việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân.

- Tiếp thu ý kiến nhân dân về những nội dung đã đưa ra lấy ý kiến. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định các nội dung quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh này khác với ý‎ kiến của đa số thì phải nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

**Câu 72. Xin hỏi, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định như thế nào về những nội dung nhân dân giám sát và hình thức để thực hiện việc giám sát của nhân dân?**

**Trả lời:**

Điều 23 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định về những nội dung nhân dân giám sát như sau: Nhân dân giám sát việc thực hiện các nội dung quy định tại các điều 5, 10, 13 và 19 của Pháp lệnh này, cụ thể:

(i)Những nội dung công khai:

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ph­ương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách hằng năm của cấp xã.

- Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân.

- Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động nhân dân đóng góp.

- Chủ trư­ơng, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo đư­ợc vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế.

- Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã.

- Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của cán bộ thôn, tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã.

- Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân theo quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh này.

- Đối tư­ợng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.

- Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện.

- Những nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

(ii) Nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp: Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ tr­ương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư­ phù hợp với quy định của pháp luật.

(iii) Những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết: Hư­ơng ư­ớc, quy ­ước của thôn, tổ dân phố; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tr­ưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

(iv) Những nội dung nhân dân tham gia ý kiến: Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã; ph­ương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành nghề của cấp xã; Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất của cấp xã; Dự thảo kế hoạch triển khai các ch­ương trình, dự án trên địa bàn cấp xã; chủ tr­ương, phư­ơng án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái định cư­; ph­ương án quy hoạch khu dân cư­; Dự thảo đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp đến cấp xã; Những nội dung khác cần phải lấy ý kiến nhân dân theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

Điều 24Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định về hình thức để thực hiện việc giám sát của nhân dân như sau:

(i) Nhân dân thực hiện việc giám sát thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Trình tự, thủ tục hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

(ii) Nhân dân trực tiếp thực hiện việc giám sát thông qua quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc kiến nghị thông qua Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Trình tự, thủ tục khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Câu 73. Xin hỏi, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định như thế nào về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện giám sát của nhân dân?**

**Trả lời:**

Điều 25 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện giám sát của nhân dân như sau:

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, tổ chức, cá nhân có các trách nhiệm sau đây:

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng;

- Xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, kiến nghị của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã hoặc báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình;

- Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng hoặc người có hành vi trả thù, trù dập công dân khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

**Câu 74. Xin hỏi, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định như thế nào về lấy phiếu tín nhiệm?**

**Trả lời:**

Điều 26 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định về lấy phiếu tín nhiệm như sau:

- Hai năm một lần trong mỗi nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ban Thường trực Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã.

- Thành phần tham gia lấy phiếu tín nhiệm gồm các thành viên Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thành viên Ban thường vụ của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban giám sát đầu tư của cộng đồng (nếu có), Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố.

- Ban thường trực Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã gửi kết quả lấy phiếu tín nhiệm và kiến nghị của mình tới Hội đồng nhân dân cùng cấp và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

**Câu 75. Xin hỏi, Pháp luật về dân chủ ở cơ sở quy định như thế nào về tổ chức họp thôn, tổ dân phố để lấy ý kiến nhân dân?**

**Trả lời:**

Điều 15 của Hướng dẫn thi hành Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 (sau đây viết tắt là Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN) quy định về tổ chức họp thôn, tổ dân phố để lấy ý kiến nhân dân như sau:

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố để tổ chức họp thôn, tổ dân phố lấy ý kiến về những việc liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2. Trình tự tổ chức cuộc họp thôn, tổ dân phố được thực hiện như sau:

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp; giới thiệu người để cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký;

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trình bày những nội dung cần lấy ý kiến theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp xã, của cơ quan có thẩm quyền;

c) Những người tham gia cuộc họp phát biểu ý kiến, kiến nghị của mình về những nội dung đưa ra lấy ý kiến. Người đại diện cho cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm giải trình về những ý kiến của người dự họp. Thư ký cuộc họp ghi đầy đủ các ý kiến, kiến nghị của những người dự họp và ý kiến giải trình của người đại diện cơ quan có thẩm quyền;

Tuỳ theo từng nội dung cụ thể và theo sự hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp xã mà cuộc họp có thể tiến hành việc biểu quyết đồng ý hay không đồng ý về những nội dung đưa ra lấy ý kiến nhân dân.

d) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm tổng hợp tất cả các ý kiến, kiến nghị, kết quả biểu quyết (nếu có) của những người tham gia cuộc họp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Câu 76. Xin hỏi, pháp luật về dân chủ ở cơ sở quy định như thế nào về** **tổ chức phát phiếu lấy ý kiến nhân dân?**

**Trả lời:**

Điều 16 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN quy định về tổ chức phát phiếu lấy ý kiến nhân dân như sau:

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức việc phát phiếu lấy ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình để cho ý kiến về những việc liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2. Trình tự tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được thực hiện như sau:

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố xây dựng kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến, chuẩn bị mẫu phiếu lấy ý kiến theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của cơ quan có thẩm quyền; thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến có từ 3 đến 5 người;

b) Tổ phát phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến từng hộ gia đình để phát phiếu cho cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình; tiến hành lấy phiếu của các cử tri đã góp ý và tổng hợp kết quả góp ý;

c) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm tổng hợp tất cả các ý kiến, kiến nghị của những người tham gia vào phiếu lấy ý kiến, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Câu 77. Xin hỏi, pháp luật về dân chủ ở cơ sở quy định như thế nào về tổ chức lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý?**

**Trả lời:**

Điều 17 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN quy định về tổ chức lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý; gửi các hồ sơ, tài liệu có liên quan cho Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để phổ biến các nội dung lấy ý kiến đến nhân dân; hướng dẫn địa điểm các hòm thư để người dân đóng góp ý kiến.

2. Thời gian để tổ chức lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý ít nhất là 15 ngày liên tục, tính từ ngày niêm yết các nội dung cần lấy ý kiến tại trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã đến ngày kết thúc việc lấy ý kiến.

3. Trong thời gian tổ chức lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải niêm yết các nội dung cần lấy ý kiến, các hồ sơ, tài liệu liên quan tại trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã, tuyên truyền, phổ biến trên hệ thống loa truyền thanh. Thời gian niêm yết và phổ biến trên hệ thống truyền thanh thực hiện liên tục trong thời gian tổ chức lấy ý kiến nhân dân.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp kết quả lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý; lập biên bản xác nhận kết quả và thông báo bằng văn bản đến các Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

**Câu 78. Xin hỏi, nguyên tắc khi tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được pháp luật về dân chủ ở cơ sở quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 19Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN quy định:

- Việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải được tiến hành thực sự dân chủ, đúng quy định của pháp luật và bảo đảm sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng.

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chủ trì việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Thành phần tham gia lấy phiếu tín nhiệm gồm các thành viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, thành viên Ban Thường vụ của các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban giám sát đầu tư của cộng đồng (nếu có), Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố.

**Câu 79. Xin hỏi, pháp luật về dân chủ ở cơ sở quy định như thế nào về thời hạn lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã?**

**Trả lời:**

Điều 20 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN quy định về thời hạn lấy phiếu tín nhiệm như sau:

- Việc lấy phiếu tín nhiệm lần đầu đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện sau 2 năm, kể từ ngày các chức danh này được Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu; việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm lần thứ hai trong nhiệm kỳ đó được tiến hành sau 2 năm kế tiếp, kể từ ngày lấy phiếu tín nhiệm lần đầu.

- Trường hợp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được bầu bổ sung trong nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cấp xã, nếu thời gian giữ chức vụ trong nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cấp xã chưa đủ 2 năm thì không tiến hành lấy phiếu tín nhiệm trong nhiệm kỳ này.

- Trường hợp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được bầu trong 2 nhiệm kỳ liên tiếp, việc lấy phiếu tín nhiệm trong nhiệm kỳ thứ hai được thực hiện sau 2 năm, kể từ ngày được bầu trong nhiệm kỳ thứ hai.

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 100[/2014/TTLT-BTC-BTP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=100/2014/TTLT-BTC-BTP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)

**Câu 80. Tại khu B sinh sống, có ông D được bầu làm hòa giải viên, vì ông D là cán bộ hưu trí, hiểu biết về pháp luật. Thời gian qua, ông D đã tham gia hòa giải được 1 số vụ việc. Hỏi, ông D có được thù lao hòa giải hay không?**

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở quy định nội dung chi hỗ trợ cho hòa giải viên và tổ hòa giải, có bao gồm chi thù lao cho hòa giải viên.

Do đó, ông D sẽ được thù lao hòa giải đối với các vụ việc hòa giải.

**Câu 81. Trong xóm tôi, hàng tháng vẫn thấy các bác trong tổ hòa giải họp hành, trao đổi về vụ việc hòa giải. Tôi thấy các bác rất tâm huyết, nhiệt tình và chịu khó nghiên cứu, tìm hiểu để tìm cách hòa giải các vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp trong xóm. Mỗi lần họp như vậy, các bác phải phô tô tài liệu, chuẩn bị giấy bút, nước uống. Vậy xin hỏi, mỗi cuộc họp như vậy, tổ hòa giải có được hỗ trợ gì không?**

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở quy định nội dung chi hỗ trợ cho hòa giải viên và tổ hòa giải, có bao gồm chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải gồm: chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải.

Do đó, mỗi cuộc họp của tổ hòa giải thì được hỗ trợ kinh phí theo định mức quy định đối với chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải.

**Câu 82. Ủy ban nhân dân xã dự kiến có tổ chức tọa đàm trao đổi nghiệp vụ, kinh nghiệm liên quan đến hoạt động hòa giải ở cơ sở giữa các hòa giải viên trong xã. Xin hỏi, pháp luật có quy định nội dung chi đối với các buổi tọa đàm trao đổi nghiệp vụ liên quan đến hòa giải ở cơ sở hay không?**

Trả lời:

Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở quy định nội dung chi cho hoạt động quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, có bao gồm chi tổ chức tọa đàm trao đổi nghiệp vụ, kinh nghiệm liên quan đến hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Vì vậy, các tọa đàm trao đổi nghiệp vụ, kinh nghiệm liên quan đến hoạt động hòa giải ở cơ sở được hỗ trợ kinh phí tổ chức theo định mức, quy định của pháp luật.

**Câu 83. Khi đang thực hiện hòa giải tại nhà vợ chồng anh hàng xóm, không may ông A – hòa giải viên bị trượt chân ngã, chấn thương sọ não. Ngay sau đó, mọi người đưa ông vào viện cấp cứu, nhưng bệnh viện thông báo ông đã qua đời. Hỏi, ông có được hỗ trợ kinh phí gì khi bị tai nạn trong quá trình thực hiện hòa giải hay không?**

Trả lời:

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở quy định: nội dung chi hỗ trợ cho hòa giải viên và tổ hòa giải bao gồm: “Chi hỗ trợ cho hòa giải viên khi gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải”.

Do đó, trong trường hợp này, ông A bị tai nạn trong quá trình hòa giải nên được hỗ trợ một khoản kinh phí là 05 tháng lương cơ sở hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở.

**Câu 84.** **Ông K trong quá trình thực hiện hòa giải bị tai nạn thì có được hỗ trợ kinh phí chữa trị, phục hồi sức khỏe hay không?**

Trả lời:

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở quy định: nội dung chi hỗ trợ cho hòa giải viên và tổ hòa giải bao gồm: “Chi hỗ trợ cho hòa giải viên khi gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải”.

Như vậy, ông K sẽ được hỗ trợ chi phí y tế cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút đối với hòa giải viên bị tai nạn trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở.

**Câu 85. Hãy cho biết, một cuộc họp bầu hòa giải viên được hỗ trợ những khoản kinh phí nào?**

Trả lời:

Theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở quy định: Chi tổ chức bầu hòa giải viên:

- Chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu phục vụ việc bầu hòa giải viên

- Chi nước uống cho người tham dự cuộc họp bầu hòa giải viên

- Chi bồi dưỡng thành viên Ban tổ chức bầu hòa giải viên tham gia họp chuẩn bị cho việc bầu hòa giải viên.